

**PHÒNG KHÁM ĐA KHOA
TỈNH HỮU NGHỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 01/VBCB-PKTHN

Đắk Nông, ngày 05 tháng 2 năm 2024

BẢN CÔNG BỐ

Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe

Kính gửi: - Sở Y tế tỉnh Đắk Nông

Tên cơ sở công bố: PHÒNG KHÁM ĐA KHOA TỈNH HỮU NGHỊ

Số giấy phép hoạt động đã được cấp: 000172/DNO – GPHD

Địa chỉ: Tổ dân phố 1, phường Nghĩa Tân, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông

Điện thoại: 0782777767 Email: bs.suen74@gmail.com

Công bố đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe gửi kèm theo văn bản này 01 bộ hồ sơ gồm các giấy tờ sau đây:

1. Bản sao hợp lệ giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh
2. Danh mục chuyên môn kỹ thuật
3. Danh sách nhân sự, thiết bị y tế
4. Hợp đồng hỗ trợ chuyên môn cận lâm sàng.

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH**



H SUEN HỒOK

UBND TỈNH ĐẮK NÔNG

SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 000172/DNO - GPHD

**GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG
KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH**

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

- Căn cứ luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009;
- Xét đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Y Dược Sở Y tế,

CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

Tên cơ sở khám, chữa bệnh: Phòng khám đa khoa Tỉnh Hư Nghi
Tên người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật: Bác sỹ Đặng Văn
Ngọc.

Số chứng chỉ hành nghề: 000035/DNO-CCHN, ngày cấp: 08/6/2012. Nơi
cấp: Sở Y tế Đăk Nông.

Hình thức tổ chức: Phòng khám đa khoa.

Địa điểm hành nghề: Tổ dân phố 1, phường Nghĩa Tân, thành phố Gia
Nghĩa, tỉnh Đăk Nông.

Phạm vi hoạt động chuyên môn: Thực hiện kỹ thuật chuyên môn được

Giám đốc Sở Y tế phê duyệt.

Thời gian làm việc hàng ngày: 07h00' đến 19h00'.

Đăk Nông, ngày 18 tháng 01 năm 2021

KT, GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC



Hà Văn Hùng

DANH MỤC

**KỸ THUẬT VÀ PHÂN TUYÊN KỸ THUẬT TRONG KHÁM BỆNH,
CHỮA BỆNH ĐĂNG KÝ TẠI PKĐK TỈNH HỮU NGHỊ**

(theo Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC: 17 kỹ thuật

1	2	PHÂN TUYÊN KỸ THUẬT			
		A	B	C (PK ĐK Tỉnh Hữu Nghị)	D
	A. TUẦN HOÀN				
1.	Theo dõi huyết áp liên tục không xâm nhập tại giường ≤ 8 giờ	x	x	x	
2.	Hồi sức chống sốc ≤ 8 giờ	x	x	x	x
	B. HÔ HẤP				
3.	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ	x	x	x	x
4.	Vận động trị liệu hô hấp	x	x	x	
5.	Khí dung thuốc cấp cứu (một lần)	x	x	x	x
6.	Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn	x	x	x	x
7.	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản	x	x	x	x
	D. TIÊU HOÁ				
8.	Gây nôn cho người bệnh ngộ độc qua đường tiêu hóa	x	x	x	x
9.	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên ≤ 8 giờ	x	x	x	x
	E. TOÀN THÂN				
10.	Lấy máu tĩnh mạch, tiêm thuốc tĩnh mạch (một lần chọc kim qua da)	x	x	x	x
11.	Truyền thuốc, dịch tĩnh mạch ≤ 8 giờ	x	x	x	x
12.	Băng ép bất động sơ cứu rấn cắn	x	x	x	x
13.	Ga rô hoặc băng ép cầm máu	x	x	x	x
14.	Sử dụng than hoạt đa liều cấp cứu ngộ độc ≤ 8 giờ	x	x	x	
	G. XÉT NGHIỆM				
15.	Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường (một lần)	x	x	x	x

16.	Lấy máu động mạch quay làm xét nghiệm	x	x	x	
17.	Lấy máu các động mạch khác xét nghiệm	x	x	x	

II. NỘI KHOA: 12 kỹ thuật

TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
		3			
		A	B	C (PK ĐK Tỉnh Hữu Nghị)	D
	2				
	A. HÔ HẤP				
18.	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ	x	x	x	x
19.	Đo chức năng hô hấp	x	x	x	x
20.	Kỹ thuật ho có điều khiển	x	x	x	x
21.	Kỹ thuật tập thở cơ hoành	x	x	x	x
22.	Kỹ thuật ho khạc đờm bằng khí dung nước muối ưu trương	x	x	x	
23.	Kỹ thuật vỗ rung dẫn lưu tư thế	x	x	x	x
24.	Khí dung thuốc giãn phế quản	x	x	x	x
25.	Lấy máu động mạch quay làm xét nghiệm	x	x	x	
26.	Nghiệm pháp đi bộ 6 phút	x	x	x	
27.	Vận động trị liệu hô hấp	x	x	x	x
	B. TIM MẠCH				
28.	Điện tim thường	x	x	x	x
	D. TIÊU HÓA				
29.	Siêu âm ổ bụng	x	x	x	x

X. NGOẠI KHOA: 11 KT

TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
		3			
		A	B	C	D
1	2				
1	Phẫu thuật điều trị vết thương ngực hở đơn thuần	x	x	x	
2	Cố định gãy xương sườn bằng băng dính to bản	x	x	x	x
3	Cắt bỏ bao da qui đầu do dính hoặc dài	x	x	x	
4	Cắt hẹp bao quy đầu	x	x	x	x
5	Mở rộng lỗ sáo	x	x	x	x
6	Tháo xoắn ruột non	x	x	x	
7	Tháo lồng ruột non	x	x	x	

8	Đẩy bã thức ăn xuống đại tràng	x	x	x	
9	Phẫu thuật thương tích phần mềm các cơ quan vận động	x	x	x	
10	Thương tích bàn tay giản đơn	x	x	x	
11	Phẫu thuật vết thương phần mềm đơn giản/rách da đầu	x	x	x	

IX. GÂY MÊ HỒI SỨC: 05 KT

ST T	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
	2	3			
		A	B	C	D
	A. CÁC KỸ THUẬT				
1	Cấp cứu cao huyết áp	x	x	x	
2	Cấp cứu tụt huyết áp	x	x	x	
3	Siêu âm tim cấp cứu tại giường	x	x	x	
4	Truyền dịch thường qui	x	x	x	
5	Truyền dịch trong sốc	x	x	x	

XXI. THĂM DÒ CHỨC NĂNG: 02 KT

TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
	2	3			
		A	B	C	D
	A. TIM, MẠCH				
1	Nghiệm pháp dây thắt	x	x	x	x
2	Điện tim thường	x	x	x	x

XXII. HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU: 12 KT

TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
	2	3			
		A	B	C	D
	D. HUYẾT THANH HỌC NHÓM MÁU				
1	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x	x	
2	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật phiến đá)	x	x	x	
3	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật trên giấy)	x	x	x	
4	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật trên thẻ)	x	x	x	
5	Định nhóm máu hệ ABO bằng giấy định nhóm máu để truyền máu toàn phần, khối hồng cầu, khối bạch cầu	x	x	x	

6	Định nhóm máu hệ ABO bằng giấy định nhóm máu để truyền chế phẩm tiểu cầu hoặc huyết tương	x	x	x	
7	Định nhóm máu hệ ABO trên thẻ định nhóm máu (đã có sẵn huyết thanh mẫu) để truyền máu toàn phần, khối hồng cầu, khối bạch cầu	x	x	x	
8	Định nhóm máu hệ ABO trên thẻ định nhóm máu (đã có sẵn huyết thanh mẫu) để truyền chế phẩm tiểu cầu hoặc huyết tương	x	x	x	
9	Định nhóm máu hệ Rh(D) (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x	x	
10	Định nhóm máu hệ Rh(D) (Kỹ thuật phiến đá)	x	x	x	
11	Nghiệm pháp Coombs trực tiếp (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x	x	
12	Nghiệm pháp Coombs gián tiếp (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x	x	

XXIII. HÓA SINH: 57 KT

TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
1	2	3			
		A	B	C	D
	A. MÁU				
1	Định lượng Acid Uric	x	x	x	
2	Định lượng Albumin	x	x	x	
3	Đo hoạt độ ALP (Alkaline Phosphatase)	x	x	x	
4	Đo hoạt độ Amylase	x	x	x	
5	Đo hoạt độ ALT (GPT)	x	x	x	
6	Đo hoạt độ AST (GOT)	x	x	x	
7	Định lượng Bilirubin trực tiếp	x	x	x	
8	Định lượng Bilirubin gián tiếp	x	x	x	
9	Định lượng Bilirubin toàn phần	x	x	x	
10	Định lượng Calci toàn phần	x	x	x	
11	Định lượng Calci ion hóa	x	x	x	
12	Đo hoạt độ Cholinesterase (ChE)	x	x	x	
13	Định lượng Cholesterol toàn phần	x	x	x	
14	Định lượng C-Peptid	x	x	x	
15	Định lượng CRP hs (C-Reactive Protein high sensitivity)	x	x	x	
16	Định lượng Creatinin	x	x	x	
17	Điện giải đồ (Na, K, Cl)	x	x	x	
18	Định lượng Glucose	x	x	x	
19	Định lượng Globulin	x	x	x	

20	Đo hoạt độ GGT (Gama Glutamyl Transferase)	x	x	x	
21	Định lượng HbA1c	x	x	x	
22	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol)	x	x	x	
23	Định lượng LDL - C (Low density lipoprotein Cholesterol)	x	x	x	
24	Định lượng Phospho	x	x	x	
25	Định lượng Protein toàn phần	x	x	x	
26	Định lượng Sắt	x	x	x	
27	Định lượng Triglycerid	x	x	x	
28	Định lượng Urê	x	x	x	
29	Định tính HBsAg (test nhanh)	x	x	x	x
30	Định tính HBsAb (test nhanh)	x	x	x	x
31	Định tính (HBcAb test nhanh)	x	x	x	x
32	Định tính HBeAg (test nhanh)	x	x	x	x
33	Định tính HBeAb (test nhanh)	x	x	x	x
34	Định tính HCV Ab (test nhanh)	x	x	x	x
35	Định tính HAV Ab (test nhanh)	x	x	x	x
36	Định tính HEV Ab (test nhanh)	x	x	x	x
37	Định tính HEV IgM (test nhanh)	x	x	x	x
38	Định tính HIV (test nhanh)	x	x	x	x
39	Xét nghiệm công thức máu (18TS)				
B. NƯỚC TIỂU					
40	Điện giải niệu (Na, K, Cl)	x	x	x	
41	Đo hoạt độ Amylase	x	x	x	
42	Định lượng Axit Uric	x	x	x	
43	Định lượng Canxi	x	x	x	
44	Định lượng Creatinin	x	x	x	
45	Định lượng Glucose	x	x	x	
46	Định lượng Protein	x	x	x	
47	Định tính beta hCG (test nhanh)	x	x	x	x
48	Định tính Amphetamin (test nhanh)	x	x	x	x
49	Định tính Marijuana (THC) (test nhanh)	x	x	x	x
50	Định tính Opiate (test nhanh)	x	x	x	x
51	Định tính Morphin (test nhanh)	x	x	x	x
52	Định tính Codein (test nhanh)	x	x	x	x
53	Định tính Heroin (test nhanh)	x	x	x	x
54	Định lượng Protein	x	x	x	
55	Định tính Protein Bence -jones	x	x	x	x

56	Định lượng Ure	x	x	x	
57	Tổng phân tích nước tiểu (Bảng máy tự động)	x	x	x	x

XXIV. VI SINH: 01 KT

TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYÊN KỸ THUẬT			
1	2	3			
		A	B	C	D
1	Vi khuẩn nhuộm soi	x	x	x	x

Tổng hợp: 08 Danh mục kỹ thuật đề nghị phê duyệt: $17 + 12 + 11 + 5 + 2 + 12 + 57 + 1 = 117$ kỹ thuật.

Đăk Nong, ngày 9 tháng 2 năm 2024

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH**



H SUEH HDOCK

Đắk Nông, ngày tháng năm 2024

**DANH SÁCH NHÂN SỰ VÀ
THIẾT BỊ Y TẾ ĐỂ THỰC HIỆN KHÁM SỨC KHỎE**

1. Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: PHÒNG KHÁM ĐA KHOA TỈNH HỮU NGHỊ
2. Địa chỉ: Tổ dân phố 1, phường Nghĩa Tân, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông
3. Thời gian làm việc hằng ngày: Từ 7h00' đến 19h00'; từ thứ hai đến chủ nhật
4. Danh sách người thực hiện:

STT	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề/số giấy phép hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Vị trí chuyên môn ²
1	H Suen HĐok	000320/Đno-CCHN	Khám và chữa bệnh Nội khoa, Người kết luận	Khám Nội, Người kết luận
2	Đặng Văn Ngọc	000035/Đno-CCHN	Khám và chữa bệnh Nội khoa	Khám Nội
3	Đỗ Văn Lộc	000237/Đno-CCHN và 132/QĐ-SYT	Khám, chữa bệnh Ngoại/siêu âm bụng tổng quát	Khám Ngoại/siêu âm
4	Nguyễn Thị Lưu	002816/Đno-CCHN	Theo quy định tại điều 12 TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội Vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật Y	Xét nghiệm
5	Nguyễn Duy Hình	001968/Đno-CCHN	Khám, chữa bệnh CK Mắt	Khám Mắt
6	K' Siêng	0001440/Đno-CCHN và 18/QĐ-SYT	KCB Đa khoa/KCB CK tâm thần	Khám tâm thần, thần kinh
7	Vương Văn Quyết	001331/Đno-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh đa khoa,; chuyên khoa Tai - Mũi - Họng.	KhámTMH



8	Lê Thị Tường Vi	000068/Dno-CCHN và 1742/QĐ-SYT	Khám và chữa bệnh Nội khoa/ Siêu âm tổng quát	Khám da liễu/siêu âm
9	Lê Đình Thu	000235/Dno-CCHN và 208/QĐ-SYT	KCB Nội khoa/KCB khoa tâm thần theo quy định tại khoản 2, điều 4 TT 35/TT-BYT ngày 30/12/2019 của Bộ Y tế	Khám Răng hàm mặt
10	Nguyễn Thị Hiền	0001120/Dno-CCHN	Theo quy định tại điều 3 TT số 23/2009/TT-BYT ngày 1/12/2009 của Bộ Y tế	Xét nghiệm
11	Lê Thị Thái	0001151/Dno-CCHN	Khám chữa bệnh thông thường sản khoa	Làm hành chính, Khám phụ khoa
12	Đinh Thị Quyên	0001143/Dno-CCHN	Quy định tại QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội Vụ	Làm hành chính, chăm sóc BN
13	Bùi Thị Thảo	000214/Dno-CCHN	Quy định tại khoản 2 thông tư 12/2011/TT-BYT ngày 15/5/2011	Phụ khám, thực hiện phân hành chính

5. Bản kê khai danh mục thiết bị y tế

STT	Tên thiết bị	Ký hiệu (MODEL)	Hãng sản xuất	Xuất xứ
01	Tủ lưu trữ hồ sơ khám sức khỏe			
02	Tủ thuốc cấp cứu			
03	Bộ bàn ghế khám			
04	Giường khám			
05	Ghế chờ khám			
06	Bàn khám và bộ dụng cụ khám phụ khoa			
07	Tủ sấy dụng cụ (sử dụng loại dụng cụ không sấy)			
08	Nồi luộc, khử trùng dụng cụ y tế (SD loại dụng cụ không sấy)			
09	Cân có thước đo chiều cao/ thước dây	GT131 120		Việt Nam
10	Ống nghe tim phổi			
11	Huyết áp kế			
12	Bộ tiêu phẫu			
13	Búa phản xạ			
14	Bộ khám da (kính lúp)			
15	Đèn soi đáy mắt			

16	Hộp kính thử thị lực			
17	Bảng kiểm tra thị lực			
18	Bảng thị lực màu			
19	Bộ khám tai mũi họng			
20	Bộ khám RHM			
21	Bộ ngũ quang			
22	Máy đo điện tim	ECG300G	Electrocardiograph	Trung quốc
23	Máy siêu âm	DW-580	DAWEI	Trung quốc
24	Máy đo nồng độ cồn	AL5500	BREATHALY ZER	Hàn quốc
25	Máy đo đường huyết	IGM-0016B	EASYGLUCO	Hàn quốc
26	Máy phân tích huyết học 18 TS	CD1800	CELL-DYN IBOO	Trung quốc
27	Máy li tâm	UC06S/UC-12S	Unicare	Trung quốc
28	Máy phân tích nước tiểu	Mission U120	ACON	Trung quốc
29	Máy sinh hóa	Hợp đồng CLS		
30	Máy chụp XQ	Hợp đồng CLS		
31	Máy đo điện não đồ	Hợp đồng CLS		

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ KHÁM BỆNH,
CHỮA BỆNH**



H SÜEN HÖÖK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

VỀ VIỆC THỰC HIỆN CẬN LÂM SÀNG

Căn cứ thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của bộ trưởng Bộ Y tế. Hôm nay vào lúc 8 giờ 30 ngày 24 tháng 1 năm 2024. Chúng tôi gồm:

1/ BÊN A: PHÒNG KHÁM ĐA KHOA TỈNH HỮU NGHỊ

Bà: H SUEEN HDOK

Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Tổ 1, P. Nghĩa Tân, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông

Điện thoại: 0935346495

2/ BÊN B: PHÒNG KHÁM ĐA KHOA 44 ĐẮK NÔNG

Bà: LÊ THỊ CHÍ

Chức vụ: Phụ trách phòng khám

Địa chỉ: Tổ 1, P. Nghĩa Tân, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông

Hai bên thỏa thuận, thống nhất ký hợp đồng với các điều khoản sau:

Điều 1: Điều khoản về trách nhiệm 2 bên:

1/ Bên A:

Có trách nhiệm tổ chức khám và phát phiếu khám cận lâm sàng, cung cấp danh sách cho Bên B và điều động đối tượng khám sức khỏe đến địa điểm khám của bên B. Tổng hợp đánh giá, phân loại sức khỏe theo quy định hiện hành. Thông báo kết quả khám cho đối tượng khám sức khỏe

2/ Bên B:

Thực hiện chụp X quang, siêu âm, điện tim, xét nghiệm máu khi có phiếu chỉ định của bên A. Thông báo kết quả chụp X quang, siêu âm, điện tim, xét nghiệm máu cho bên A

Điều 2: Điều khoản về thời gian và địa điểm

Thời gian: Từ thứ 2 đến thứ 6 (khám ngoài giờ hành chính)

Thứ 7, chủ nhật khám cả ngày

Địa điểm: Khám tổng quát: Tại Phòng khám đa khoa Tỉnh Hữu Nghị

Cận lâm sàng: Tại Phòng khám đa khoa 44 Đắk Nông

Phòng khám
44 Đ

Điều III: Điều khoản thanh toán

3.1 Chi phí khám: Thực hiện theo quy định hiện hành

3.2 Phương thức thanh toán:

Bên A thanh toán 01 (một) lần cho bên B dựa trên số lượng thực tế khám bằng tiền mặt.

Điều IV: Điều khoản thi hành

Hai bên có trách nhiệm thực hiện đúng các điều khoản đã nêu trong hợp đồng, bên nào không thực hiện đúng sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh khó khăn, hai bên cùng bàn bạc giải quyết.

Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản, mỗi bên giữ 02 (hai) bản, có giá trị kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A



H S U E N H Đ Ớ K

ĐẠI DIỆN BÊN B



**1 Đa Khoa
Nông**

BS. Lê Thị Chí